

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án Kè khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở khu vực trung tâm thị trấn Đình Lập, xã Bính Xá, huyện Đình Lập và khu vực thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn (Bổ sung phạm vi xã Đình Lập)

(Kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đình Lập)

Phạm vi lập phương án: Thôn 2 và thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án: Kè khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở khu vực trung tâm thị trấn Đình Lập, xã Bính Xá,

1. huyện Đình Lập và khu vực thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn (bổ sung phạm vi xã Đình Lập) theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

- a) Tổng số trường hợp có đất, tài sản trên đất bị ảnh hưởng lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án là: 02 trường hợp, tổng diện tích đất phải thu hồi là 151,0 m² (*bằng chữ: Một trăm năm một mét vuông*) đất trồng cây hằng năm khác.
- b) Tổng số người có đất thu hồi: 02 trường hợp.
- c) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không.
- d) Phương án bố trí tái định cư: Không
- e) Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không.
- f) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không.
- g) Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 53.619.900 đồng (Làm tròn: 53.620.000 đồng)
Tiền độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định phê duyệt phương án bồi thường,
- h) hỗ trợ, tái định cư có hiệu lực thi hành, cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản.
- k) Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (chi tiết tại mục 2)

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản theo quy định tại khoản 2, Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

- Phụ lục I : Tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

- Phụ lục II : Phương án chi tiết Bồi thường về đất;
- Phụ lục III : Phương án chi tiết Bồi thường hỗ trợ về cây trồng, vật nuôi;
- Phụ lục IV : Phương án chi tiết Hỗ trợ ổn định đời sống;
- Phụ lục V : Phương án chi tiết về Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm;
- Phụ lục VI : Phương án chi tiết hỗ trợ khác theo Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 27/10/2025 của UBND xã Đình Lập.

Phụ lục I

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án Kè khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở khu vực trung tâm thị trấn Đình Lập, xã Bính Xá, huyện Đình Lập và khu vực thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn (Bổ sung phạm vi xã Đình Lập)

(Kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đình Lập)

(ĐVT: Đồng)

Số TT	Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản				Bồi thường		Hỗ trợ		Hỗ trợ khác theo Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 27/10/2025	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
	Họ và tên	Số định danh cá nhân	Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay	Đất	Cây trồng, vật nuôi	Ổn định đời sống	Đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm			
1	2		4	5	6	7	8	9	10	11=(6+...+10)	12
	LÀM TRÒN									53.620.000	
	TỔNG CỘNG				9.362.000	7.564.900	-	32.616.000	4.077.000	53.619.900	
1	Hộ ông Mai Tuyết Cần, vợ Vi Thị Hà		Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn		6.379.800	7.507.900	Không đủ điều kiện hỗ trợ	22.226.400	2.778.300	38.892.400	
2	Bà Hoàng Thị Kiên	020163000518	Thôn 2, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn		2.982.200	57.000	Không đủ điều kiện hỗ trợ	10.389.600	1.298.700	14.727.500	

Phụ lục II
BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT

Dự án Kè khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở khu vực trung tâm thị trấn Đình Lập, xã Bính Xá, huyện Đình Lập và khu vực thị trấn Đồng Mô, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn (Bổ sung phạm vi xã Đình Lập)
(Kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đình Lập)

Số TT	Người có đất thu hồi; Loại đất thu hồi	Theo Mạnh trích đo ĐC/TLMTĐĐC				Theo Bản đồ địa chính			Địa chỉ thửa đất	Nguồn gốc, thời điểm, quá trình sử dụng đất; các giấy tờ liên quan đến thửa đất	Mã loại đất	Diện tích thu hồi		Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú	
		Số tờ	Số thửa	Vị trí, nhóm	Hiện trạng SD đất	Số tờ	Số thửa	Loại đất				Diện tích đất không được bồi thường (m²)	Diện tích đất được bồi thường (m²)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=(14*15)	17	
	TỔNG CỘNG											0,0	151,0		9.362.000		
1	Hộ ông Mai Tuyết Cẩn, vợ Vi Thị Hà	Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn										0,0	102,9		6.379.800		
	1.1	Đất trồng cây hằng năm khác	1169/TLMTĐ	66	VT1, Nhóm I	Trồng cây ăn quả	52	66	BHK	thôn 4, xã Đình Lập	Đã cấp GCN QSD đất số Y 011197 cấp ngày 26/5/2004 cho hộ bà Vi Thị Hà mục đích sử dụng đất màu	BHK		102,9	62.000	6.379.800	
2	Bà Hoàng Thị Kiên	Thôn 2, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn											48,1		2.982.200		
	2.1	Đất trồng cây hằng năm khác	01-2024	130	VT1, Nhóm I	Trồng rau	48	130	BHK	Thôn 2, xã Đình Lập	Đã cấp GCN QSD đất số Y 206133 cấp ngày 29/5/2004 cho bà Hoàng Thị Kiên mục đích sử dụng đất màu	BHK		48,1	62.000	2.982.200	

Phụ lục III

BIỂU CHI TIẾT TÍNH TOÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI

Dự án Kè khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở khu vực trung tâm thị trấn Đình Lập, xã Bính Xá, huyện Đình Lập và khu vực thị trấn Đồng Mô, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

(Bổ sung phạm vi xã Đình Lập)

(Kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đình Lập)

(ĐVT: Đồng)

Số TT	Họ, tên hộ gia đình, cá nhân; Loại cây trồng, vật nuôi	Địa chỉ liên hệ	Phân loại			ĐVT	Khối lượng	Mật độ quy chuẩn (cây, con/ha)	Diện tích <=>số cây trồng trong MĐ quy chuẩn (m2)	Số lượng theo mật độ			Cây hàng năm trồng xen kẽ cây lâu năm (hỗ trợ 60%)	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
										Trong mật độ (Bồi thường 100%)(Cây, m2)	Trồng chuyên canh vượt mật độ (Hỗ trợ 50%)(Cây)	Trồng xen kẽ vượt mật độ (Hỗ trợ 30%)				
A	B	C	D			E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	F
TỔNG CỘNG:															7.564.900	
1	Hộ ông Mai Tuyết Cần, vợ Vi Thị Hà	Thôn 3, xã Đình Lập													7.507.900	
	Cây trồng tại thửa số 66, trích lục thửa đất số 1169/TLMTĐ, diện tích 102,9m ²								99,1							
	1 Nhãn		ĐKG	>30	cm	Cây	1	400	25,0	1				2.355.000	2.355.000	
	2 Mít		ĐKG	>30	cm	Cây	1	400	25,0	1				1.261.000	1.261.000	
	3 Si		ĐKG	>10-15	cm	Cây	1			1				200.000	200.000	
	4 Mắc mật		ĐKG	>15-20	cm	Cây	1	500	20,0	1				996.000	996.000	
	5 Mắc mật		ĐKG	>10-15	cm	Cây	1	500	20,0	1				706.000	706.000	
	6 Mắc mật		ĐKG	>5-10	cm	Cây	1	500	0,0			1		332.000	99.600	
	7 Chuối hột		Trồng	>1	năm	Cây	6	2000	0,0			6		18.000	32.400	
	8 Na		ĐKG	>5-7	cm	Cây	6	1100	9,1	1		5		651.000	1.627.500	
	9 Vầu		Đã ra	lá, cành		Cây	20			20				4.500	90.000	
	10 Đu đủ			Có quả		Cây	2	2000	0,0			2		234.000	140.400	
2	Bà Hoàng Thị Kiên	Thôn 3, xã Đình Lập													57.000	
	Thửa 130, mảnh TĐ 01-2024, diện tích 48,1m ²															
	1 Rau Ngót					m ²	6			6				9.500	57.000	

Phụ lục IV
HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG

Dự án Kè khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở khu vực trung tâm thị trấn Đình Lập, xã Bính Xá, huyện Đình Lập và khu vực thị trấn Đồng Mô, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn (Bổ sung phạm vi xã Đình Lập)

(Kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đình Lập)

Số TT	Người có đất thu hồi		DT đất NN thu hồi đủ điều kiện bồi thường (m ²)	DT đất NN đang sử dụng (m ²)	Tỷ lệ thu hồi đất NN (%)	Nằm trong khung tỷ lệ	Thực tiếp sản xuất NN	Di chuyển chỗ ở	Số nhân khẩu được HT	Mức HT (30Kg gạo/ người/ tháng)	Thời gian HT (Tháng)	Đơn giá gạo (Đồng/ Kg)	Thành tiền
	Họ và tên	Địa chỉ											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Tổng cộng													-
1	Hộ ông Mai Tuyết Cần, vợ Vi Thị Hà	Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	152,4	9.350,8	1,63	Dưới 30%	x	Không	8	Không đủ điều kiện hỗ trợ			
2	Bà Hoàng Thị Kiên	Thôn 2, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	106,7	932,9	11,44	Dưới 30%	x	Không	4	Không đủ điều kiện hỗ trợ			

Phụ lục V

HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ VÀ TÌM KIẾM VIỆC LÀM

Dự án Kè khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở khu vực trung tâm thị trấn Đình Lập, xã Bính Xá, huyện Đình Lập và khu vực thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn (Bổ sung phạm vi xã Đình Lập)

(Kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đình Lập)

(ĐVT: Đồng)

Số TT	Họ tên hộ gia đình, cá nhân; Loại đất thu hồi	Địa chỉ thường trú	Theo Mảnh TĐĐC/TLMTĐ ĐC	Số Thửa	Phân loại	Mã loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)		Đơn giá	Mức hỗ trợ (lần)	Thành tiền	Ghi chú
							Diện tích không được hỗ trợ (m ²)	Diện tích được hỗ trợ (m ²)				
1	2	3	5	4	6	7	8	9	10	11	12=(9*10*11)	13
	CỘNG TỔNG						0,0	151,0			32.616.000	
1	Hộ ông Mai Tuyết Cần, vợ Vi Thị Hà	Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn					0,0	102,9			22.226.400	
	1 Đất trồng cây hằng năm khác		1169/TLMTĐ	66	VT1, Nhóm I	BHK		102,9	54.000	4	22.226.400	
2	Bà Hoàng Thị Kiên	Thôn 2, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn						48,1			10.389.600	
	1 Đất trồng cây hằng năm khác		01-2024	130	VT1, Nhóm I	BHK		48,1	54.000	4	10.389.600	

Phụ lục VI

HỖ TRỢ KHÁC THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 896/QĐ-UBND NGÀY 27/10/2025 CỦA UBND XÃ ĐÌNH LẬP

Dự án Kè khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở khu vực trung tâm thị trấn Đình Lập, xã Bính Xá, huyện Đình Lập và khu vực thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn (Bổ sung phạm vi xã Đình Lập)

(Kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đình Lập)

(ĐVT: Đồng)

Số TT	Họ tên hộ gia đình, cá nhân; Loại đất thu hồi	Địa chỉ thường trú	Mảnh trích đo	Số Thửa	Phân loại	Mã loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)		Đơn giá	Mức hỗ trợ (lần)	Thành tiền	Ghi chú
							Diện tích không được hỗ trợ (m ²)	Diện tích được hỗ trợ (m ²)				
1	2	3	5	4	6	7	8	9	10	11	12=(9*10*11)	13
	CỘNG TỔNG							151,0			4.077.000	
1	Hộ ông Mai Tuyết Cần, vợ Vi Thị Hà	Thôn 4, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn						102,9			2.778.300	
	1 Đất trồng cây hằng năm khác		1169/TLMTĐ	66	VT1, Nhóm I	BHK		102,9	54.000	0,5	2.778.300	
2	Bà Hoàng Thị Kiên	Thôn 2, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn						48,1			1.298.700	
	1 Đất trồng cây hằng năm khác		01-2024	130	VT1, Nhóm I	BHK		48,1	54.000	0,5	1.298.700	